| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TO**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 19/02/2025
*"V/v: Lê Thị Thu T ly hôn Nguyễn Huy M"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Tiến Dũng;
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lưu Bá Ngọc
Bà Nguyễn Thị Nguyệt

***Thư ký phiên toà ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Phạm Anh Bích, Thư ký Toà án nhân dân huyện TO, thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, thành phố Hà Nội:*** Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TO, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 305/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2025 ngày 23/01/2025 của Toà án nhân dân huyện TO, TP Hà Nội. giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị **Lê Thị Thu T**, sinh năm 1993
*Trú tại*: thôn TV, xã TC, huyện NC, tỉnh TH.
Chỗ ở hiện nay: số 169, xóm V, thôn VL, xã DH, huyện TO, TP Hà Nội.
***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Huy M**, sinh năm 1992
*Trú tại*: Số nhà 08, ngõ 4, thôn TT, xã TC, huyện TO, Hà Nội.
*(Tại phiên toà chị T có mặt; anh M vắng mặt không có ly do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác nguyên đơn là chị Lê Thị Thu T trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Huy M trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau, sau đó tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện TO, Hà Nội năm 2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có sự bất đồng về quan điểm sống, không phù hợp, không có tiếng nói chung. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng hoà giải, tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng nhiều, cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng căng thẳng, và đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2023 đến nay từ khi sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

*Về con chung:* Không có con chung

*Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có

***Bị đơn là anh Nguyễn Huy M:*** Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

-*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu*: Về trình tự tố tụng của vụ án đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự tố tụng; Nguyên đơn tham gia phiên tòa chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Lê Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Huy M.

-Về con chung: chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Huy M chưa có con chung.

-Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án án giải quyết

Tại phiên tòa nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1] Về tố tụng:**

**[1.1]** ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*** Chị Lê Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Huy M nên thuộc tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh M có hộ khẩu thường trú tại thôn TT, xã TC, huyện TO, TP Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO, Thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[1.2]** ***Về thủ tục xét xử:*** Quá trình giải quyết và xét xử vụ án, anh M đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

**[2] Về nội dung vụ án**

**[2.1]** ***Về quan hệ hôn nhân:***

Căn cứ vào đơn xin ly hôn và quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Huy M tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC, huyện TO, Hà Nội năm 2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có sự bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng tạo điều kiện cũng như hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng nhiều, cuộc sống gia đình rơi vào tình trạng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đến tháng 12/2023 vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Do hai người không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyên đơn là chị T xin ly hôn với anh M. Quá trình giải quyết vụ án, anh M không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh Đạt.

**[2.2]** ***Về con chung****:* Chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Huy M không có con chung.

**[2.3]** ***Về tài sản chung, công nợ chung:*** Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị Lê Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Lê Thị Thu T, cho chị Lê Thị Thu T và anh Nguyễn Huy M được ly hôn.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong bản án này.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0021046 ngày 29/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO .

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện TO;
- Chi cục THADS huyện TO;
- Các bên đương sự;
- UBND xã TC;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN TIẾN DŨNG**